

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN LÃO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:66/2022/HS-ST
Ngày 21-12-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn Định.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đặng Thị Minh – Giáo viên.

Ông Nguyễn Văn Thắng – Cán bộ nghỉ hưu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Trương Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 68/2022/TLST-HS ngày 22 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 275/2022/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 12 năm 2022; quyết định hoãn phiên tòa số 290/2022/QĐHS-ST ngày 16 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo:

Bùi Sỹ T; Tên gọi khác: Không; ĐKKHKT và nơi cư trú: Thôn B, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; Con ông: Bùi Sỹ T và bà: Nguyễn Thị S; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt truy nã và bị tạm giam từ ngày 29/10/2022 tại Trại tạm giam Công an thành phố Hải Phòng. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo là bà Đặng Thị Minh L – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải Phòng. Có mặt

- Bị hại: Ông Bùi Duy T, sinh năm 1969; nơi cư trú: Thôn B, xã A, huyện A, Hải Phòng. Vắng mặt.

- Người làm chứng: Anh Nguyễn Sỹ C và anh Trần Văn Khánh D. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 02/10/2022, Bùi Sỹ T đi bộ từ nhà ở thôn B3 ra đến Nhà văn hóa thôn B, xã A thì gặp bạn là Trần Văn Khánh D đang trên đường đi học. T nhờ D chở lên xã Q nhưng do sắp đến giờ vào học nên D chỉ chở T đến trước cửa hàng tạp hóa T ở xã A rồi tiếp tục đi học. Tại đây, T phát hiện 01 xe máy điện BKS:15MĐ5-533.39 của ông Bùi Duy T, dựng trước cửa nhà ông Nguyễn Văn C (đối diện cửa hàng tạp hóa T), đầu xe hướng vào trong nhà, đuôi xe quay ra đường, chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa điện. T nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe trên. Bùi Sỹ T đi đến chỗ dựng xe, ngồi lên mở khóa xe rồi điều khiển xe đến nhà anh Nguyễn Sĩ C (ở thôn Q1, xã A, huyện A) hỏi vay C 2.000.000 đồng và gửi xe máy điện trên tại nhà C. Số tiền 2.000.000 đồng T đã dùng để chi tiêu cá nhân.

Cùng ngày, ông Bùi Duy T có đơn trình báo về việc mình bị mất chiếc xe máy điện BKS: 15MĐ5-533.39.

Trích xuất camera tại cửa hàng tạp hóa T, Cơ quan Công an phát hiện Bùi Sỹ T chính là người đã thực hiện hành vi chiếm đoạt chiếc xe máy điện của ông Thanh.

Bản định giá tài sản số 44/KL-ĐG ngày 11/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện An Lão kết luận: Chiếc xe máy điện nhãn hiệu X MEN màu trắng – đen, BKS: 15MĐ5-533.39 (đã qua sử dụng), số máy: MY60V1000W170335034C27, số khung: RMPYBEMUMHVS35034, trị giá 3.500.000 đồng.

Về vật chứng của vụ án: Ngày 07/11/2022, Cơ quan điều tra đã thu hồi và trả lại 01 chiếc xe máy điện BKS: 15-MĐ5-533.39 còn nguyên vẹn cho ông Bùi Duy T là chủ sở hữu hợp pháp.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo T đã trả anh Nguyễn Sĩ C số tiền vay 2.000.000 đồng. Ông Bùi Duy T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Tân.

Bản cáo trạng số 66/CT-VKS ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo Bùi Sỹ T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão giữ nguyên quyết định truy tố đối với Bùi Sỹ T về tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Sỹ T mức án từ 06 đến 09 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo. Xử lý các vấn đề về án phí, quyền kháng cáo đối với bị cáo, bị hại.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo đồng ý với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo và đề

ngợi Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ là tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả theo điểm b khoản 1 Điều 51; áp dụng khoản 2 Điều 54, Điều 60 BLHS cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo sớm có cơ hội về hoà nhập cộng đồng, trở thành người lương thiện

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Lão, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Lão, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về tội danh đối với bị cáo: Lời khai nhận của bị cáo tại Cơ quan Cảnh sát điều tra và tại phiên tòa hôm nay, thể hiện: Khoảng 07 giờ 15 phút, ngày 02/10/2022, tại khu vực trước cửa hàng tạp hóa T ở xã A, Bùi Sỹ T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản là 01 xe máy điện BKS:15MĐ5-533.39 của ông Bùi Duy T; giá trị tài sản qua định giá là 3.500.000 đồng. Do vậy, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận bị cáo Bùi Sỹ T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo.

[3.1] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của cá nhân, tổ chức được pháp luật pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp.

[3.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng

[3.3] Về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt qua định giá là 3.500.000 đồng, phạm vào khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn. Bị cáo có ông nội Bùi Sỹ V được tặng thưởng huy chương kháng chiến và gia đình bị cáo đang thờ cúng liệt sỹ. bản thân bị cáo được bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt. Do vậy bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là “*phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm*

trọng” và “thành khẩn khai báo và 02 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với đề nghị của người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả theo điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS là không đúng. Bởi lẽ anh C không nhận cầm cố xe của bị cáo. Sự việc bị cáo vay số tiền 2.000.000 đồng của anh C là việc dân sự do sự thỏa thuận tự nguyện của hai bên nên việc gia đình bị cáo trả lại anh C số tiền bị cáo vay không phải là bồi thường khắc phục hậu quả.

[3.4] Hồ sơ thể hiện nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, sau khi sự việc xảy ra, cơ quan điều tra đã triệu tập bị cáo 04 lần nhưng bị cáo không có mặt, bản thân mẹ bị cáo thừa nhận không biết bị cáo đi đâu làm gì nên cơ quan điều tra đã ra lệnh truy nã bị cáo là đúng quy định. Đây là các tình tiết quan trọng để Hội đồng xét xử xem xét khi áp dụng hình phạt đối với bị cáo.

[4] Căn cứ vào các phân tích nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị cho bị cáo hưởng án treo của người bào chữa cho bị cáo là không có căn cứ vì bị cáo bị bắt theo lệnh truy nã của cơ quan Cảnh sát điều tra; mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo tại phiên tòa hôm nay là phù hợp; cần thiết phải bắt bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo cũng như có đủ tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo trở thành người lương thiện và phòng ngừa chung.

[5] Hội đồng xét xử cũng xét bị cáo không có công ăn việc làm ổn định, không có thu nhập nên không buộc bị cáo phải chịu hình phạt bổ sung là hình phạt tiền.

[6] Về xử lý vật chứng, trách nhiệm bồi thường thiệt hại và các vấn đề khác:

[6.1] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Bị hại là ông Bùi Duy T đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6.2] Về một số vấn đề khác: Đối với Trần Văn Khánh D là người cho T đi nhờ xe, D không biết việc T đi trộm cắp tài sản; anh Nguyễn Sĩ C là người cho T vay tiền nhưng không biết chiếc xe máy điện T gửi tại nhà mình do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý.

[7] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173; Điều 38; các điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử phạt bị cáo Bùi Sỹ T 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29 tháng 10 năm 2022.

2. Về án phí: Bị cáo Bùi Sỹ T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Bùi Sỹ T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại ông Bùi Duy T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP Hải Phòng;
- VKS ND TP. Hải Phòng;
- VKS ND huyện An Lão;
- Phòng PC10, PV06 – Công an TP Hải Phòng;
- Công an huyện An Lão;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- Chi cục THA DS huyện An Lão;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu: Hồ sơ; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Định

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Định

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Định

